

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch
Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Thạc Hoài	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Kiều Hưng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Danh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 21/12/2024)
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/09/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Nhị Hà	Trưởng Ban	(Bỏ nhiệm ngày 15/04/2024)
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Trưởng Ban	(Miễn nhiệm ngày 15/04/2024)
Ông Nguyễn Thế Tiến	Thành viên	
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dung	Thành viên	

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng	Kế toán trưởng	(Bỏ nhiệm ngày 21/12/2024)
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Kế toán trưởng	(Miễn nhiệm ngày 21/12/2024)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Kiều Hưng

Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 10/02/2025, từ trang 06 đến trang 38 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hà Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2025

Lê Đức Hạnh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3340-2025-112-1

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.628.307.046	57.802.708.451
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.413.338.128	18.647.780.912
Tiền	111		7.413.338.128	6.647.780.912
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	12.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	4.000.000.000	4.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.000.000.000	4.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.062.537.644	27.164.639.338
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	24.286.016.300	27.054.053.567
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.336.312.900	824.610.780
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.040.051.843	545.528.733
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(1.949.873.250)	(1.609.583.593)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	350.029.851	350.029.851
Hàng tồn kho	140	V.6	2.937.059.976	1.952.448.331
Hàng tồn kho	141		2.937.059.976	1.952.448.331
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.215.371.298	6.037.839.870
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	646.804.435	698.839.535
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.568.566.863	4.404.111.596
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	934.888.739
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		265.399.917.618	251.716.851.936
Tài sản cố định	220		214.290.229.361	202.954.378.213
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	213.914.229.361	202.482.378.213
- Nguyên giá	222		674.726.494.452	633.405.060.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(460.812.265.091)	(430.922.682.681)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	376.000.000	472.000.000
- Nguyên giá	228		875.862.000	875.862.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(499.862.000)	(403.862.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	32.530.607.407	36.138.600.676
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		32.530.607.407	36.138.600.676
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	4.860.000.000	4.860.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.860.000.000	4.860.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		13.719.080.850	7.763.873.047
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	13.719.080.850	7.763.873.047
TỔNG TÀI SẢN	270		315.028.224.664	309.519.560.387

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		72.318.404.325	68.108.204.505
Nợ ngắn hạn	310		67.618.404.325	50.413.015.881
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	38.351.791.940	14.654.085.668
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.113.750.343	491.754.558
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.061.616.737	1.084.337.865
Phải trả người lao động	314		24.018.113.191	26.139.504.399
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		195.754.468	229.210.329
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	298.296.581	680.228.053
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	1.720.000.000	5.374.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		859.081.065	1.759.895.009
Nợ dài hạn	330		4.700.000.000	17.695.188.624
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	4.700.000.000	17.695.188.624
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		242.709.820.339	241.411.355.882
Vốn chủ sở hữu	410	V.18	242.709.820.339	241.411.355.882
Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.172.000.000	215.172.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.789.366.731	4.845.748.399
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.748.453.608	21.393.607.483
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		829.471.327	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		16.918.982.281	21.393.607.483
TỔNG NGUỒN VỐN	440		315.028.224.664	309.519.560.387

Nghệ An, ngày 10 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Trần Lữ Giáp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Tổng Giám đốc



Bùi Kiều Hưng

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	208.040.982.497	237.256.266.296
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		208.040.982.497	237.256.266.296
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	155.148.260.175	180.906.197.188
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.892.722.322	56.350.069.108
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.767.307.067	3.384.035.661
Chi phí tài chính	22	VI.4	1.105.264.079	806.275.010
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		884.478.346	494.489.264
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	33.441.452.018	33.697.465.202
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.113.313.292	25.230.364.557
Thu nhập khác	31	VI.6	190.270.539	1.736.559.122
Chi phí khác	32	VI.7	292.601.826	580.297.532
Lợi nhuận khác	40		(102.331.287)	1.156.261.590
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.010.982.005	26.386.626.147
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.091.999.724	4.993.018.664
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.918.982.281	21.393.607.483
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	786	868
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	786	868

Nghệ An, ngày 10 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Trần Lữ Giáp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Tổng Giám đốc



Bùi Kiều Hưng

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		21.010.982.005	26.386.626.147
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		29.985.582.410	27.480.726.927
Các khoản dự phòng	03		340.289.657	(64.560.939)
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(73.716.642)	(829.471.327)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(1.914.361.740)	(2.884.012.238)
Chi phí lãi vay	06		884.478.346	494.489.264
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		50.233.254.036	50.583.797.834
Giảm các khoản phải thu	09		10.165.442.322	1.393.778.235
(Giảm) hàng tồn kho	10		(984.611.645)	(54.931.398)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(151.660.809)	(21.784.626.106)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(5.903.172.703)	2.162.084.014
Tiền lãi vay đã trả	14		(884.478.346)	(425.434.619)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.177.438.654)	(4.797.656.500)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.124.508.300)	(3.611.394.191)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.172.825.901	23.465.617.269
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.852.864.223)	(36.645.299.084)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	589.759.727
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.000.000.000	14.121.665.753
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.914.361.740	2.090.197.238
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.938.502.483)	(19.843.676.366)

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		7.255.492.507	34.823.312.870
Tiền trả nợ gốc vay	34		(23.904.681.131)	(11.754.124.246)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.880.338.000)	(12.264.804.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.529.526.624)	10.804.384.624
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.295.203.206)	14.426.325.527
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18.647.780.912	3.967.965.911
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		60.760.422	253.489.474
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12.413.338.128	18.647.780.912

Nghệ An, ngày 10 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Trần Lữ Giáp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Tổng Giám đốc



Bùi Kiều Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19/03/2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30/05/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 215.172.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2024 là 215.172.000.000 đồng; tương đương 21.517.2000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 393 người (tại ngày 31/12/2023 là 388 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng; kinh doanh kho, bãi, dịch vụ Logistic.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho ngoại quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	Nghệ An	Bốc xếp, cho thuê kho bãi
Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	Nghệ An	Bốc xếp, cho thuê kho bãi

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp)

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản phải thu (tiếp)

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải	05 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 05
- Các tài sản khác	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp)

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

9. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường trong thời gian 03 - 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 06 đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

12. Nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Nợ phải trả (tiếp)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh, phù hợp doanh thu phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

14. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên cơ sở thời gian, lãi suất thực tế từng kỳ và thông báo hàng kỳ của ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn của Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

21. Báo cáo bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bốc xếp hàng hóa phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	6.537.118	11.073.729
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.406.801.010	6.636.707.183
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	12.413.338.128	18.647.780.912

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng với lãi suất 4,2%/năm tại Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh với lãi suất 4,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-
Cộng	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-

Thông tin về Công ty liên kết tại ngày 31/12/2024:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập, hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò	Nghệ An	36%	36%	Kinh doanh vận tải, lai dất tàu

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	24.286.016.300	27.054.053.567
- Công ty Vận tải Quốc tế Mê Kông	6.214.501.642	11.127.386.366
- Công ty Cổ phần Đông Dương Logistics	3.748.606.711	3.139.981.200
- Công ty Cổ phần Vận tải biển GLS	3.375.029.458	2.303.162.580
- Công ty TNHH Cảng Cửa Lò	616.908.390	2.287.688.972
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Namico	1.022.777.590	1.022.777.590
- Các khách hàng khác	9.308.192.509	7.173.056.859
Cộng	24.286.016.300	27.054.053.567
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	70.680.540	92.601.343
- Công ty Vận tải Biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	69.740.978
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	70.680.540	22.860.365

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	2.336.312.900	824.610.780
- Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ Xây dựng Việt Phát	300.000.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần Thiết bị nâng Hải Hà	115.500.000	152.815.740
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam	189.000.000	140.000.000
- Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo	-	111.500.000
- Công ty TNHH Phát triển Xây dựng và Thương Mại	1.456.800.000	-
- Các khoản trả trước khác	275.012.900	120.295.040
Cộng	2.336.312.900	824.610.780

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng	142.670.000	-	172.000.000	-
- Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	78.750.000	-	84.208.333	-
- Phải thu Công đoàn	175.648.000	-	255.648.000	-
- Phải thu Bảo hiểm xã hội	305.897.127	-	-	-
- Phải thu thuế TNCN	1.281.054.502	-	-	-
- Phải thu khác	56.032.214	-	33.672.400	-
Cộng	2.040.051.843	-	545.528.733	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.627.806.452	-	1.604.218.592	-
Công cụ, dụng cụ	309.253.524	-	348.229.739	-
Cộng	2.937.059.976	-	1.952.448.331	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền	350.029.851	350.029.851
Cộng	350.029.851	350.029.851

8. Nợ xấu

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Namico	1.022.777.590	-	Trên 3 năm	1.022.777.590	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Bắc Sơn	289.444.738	-	Trên 3 năm	289.444.738	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	647.969.525	10.318.603	Từ 2 năm đến trên 3 năm	484.556.420	187.195.155	Từ 1 năm đến trên 3 năm
Cộng	1.960.191.853	10.318.603		1.796.778.748	187.195.155	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2024	308.677.102.457	16.237.845.130	288.324.420.371	986.239.545	19.179.453.391	633.405.060.894
- Mua trong năm	-	-	3.507.653.703	89.800.000	-	3.597.453.703
- Đầu tư XDCB hoàn thành	37.602.909.091	-	121.070.764	-	-	37.723.979.855
31/12/2024	346.280.011.548	16.237.845.130	291.953.144.838	1.076.039.545	19.179.453.391	674.726.494.452
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2024	(268.075.696.797)	(10.297.836.286)	(136.355.962.264)	(792.862.164)	(15.400.325.170)	(430.922.682.681)
- Khấu hao trong năm	(7.808.785.065)	(370.615.992)	(19.509.587.215)	(93.782.280)	(2.106.811.858)	(29.889.582.410)
31/12/2024	(275.884.481.862)	(10.668.452.278)	(155.865.549.479)	(886.644.444)	(17.507.137.028)	(460.812.265.091)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2024	40.601.405.660	5.940.008.844	151.968.458.107	193.377.381	3.779.128.221	202.482.378.213
31/12/2024	70.395.529.686	5.569.392.852	136.087.595.359	189.395.101	1.672.316.363	213.914.229.361

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024: 259.448.102.050 đồng (tại ngày 31/12/2023: 294.228.674.460 đồng).

Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình đã dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2024: 48.906.649.690 đồng (tại ngày 31/12/2023: 52.764.317.062 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	875.862.000	875.862.000
31/12/2024	875.862.000	875.862.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(403.862.000)	(403.862.000)
- Khấu hao trong năm	(96.000.000)	(96.000.000)
31/12/2024	(499.862.000)	(499.862.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	472.000.000	472.000.000
31/12/2024	376.000.000	376.000.000

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024: 395.862.000 đồng (tại ngày 31/12/2023: 395.862.000 đồng).

11. Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	646.804.435	698.839.535
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	19.621.214	270.149.936
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	627.183.221	428.689.599
Dài hạn	13.719.080.850	7.763.873.047
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	702.519.187	2.766.094.085
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	12.200.918.848	2.415.957.205
- Phân bổ chi phí nạo vét vũng đậu tàu	111.789.001	2.388.565.231
- Chi phí trả trước dài hạn khác	703.853.814	193.256.526
Cộng	14.365.885.285	8.462.712.582

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Dự án đầu tư 02 căn trục chân đế cố định (cầu 1) (1)	29.076.064.815	29.076.064.815	177.777.778	177.777.778
- Dự án Đầu tư xây dựng Kho hàng số 4 tại Cửa Lò	-	-	30.556.831.231	30.556.831.231
- Công trình sửa chữa bãi 4C và khuôn viên Kho hàng 3,4 tại XNXD Cửa Lò	-	-	5.399.991.667	5.399.991.667
- Sửa chữa Kho số 1 XNXD Cửa Lò (2)	3.351.950.000	3.351.950.000	-	-
- Dự án nạo vét Khu nước trước Cảng Bến Thủy (3)	46.296.296	46.296.296	-	-
- Dự án sửa chữa nâng cấp mặt cầu số 1 (4)	52.296.296	52.296.296	-	-
- Các công trình khác	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000
Cộng	32.530.607.407	32.530.607.407	36.138.600.676	36.138.600.676

(1) Dự án đầu tư 02 căn trục chân đế cố định (cầu 1) tại Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa Lò do Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư là 34.230.000.000 đồng, cụ thể:

- Mục tiêu đầu tư: Mua mới 02 căn trục chân đế cố định (cầu 1) phục vụ sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa Lò;
- Địa điểm đầu tư: XNXD Cửa Lò, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có chiếm 40% và vốn vay chiếm 60%;
- Tại ngày 31/12/2024: đơn vị đang hoàn thiện các hồ sơ liên quan, và thực hiện báo cáo quyết toán dự án.

(2) Công trình Sửa chữa cải tạo kho số 1 tại XNXD Cửa Lò do Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh làm chủ đầu tư với tổng mức là 5.601.593.000 đồng;

- Mục tiêu: Đảm bảo chất lượng, kết cấu công trình, kết cấu công trình, an toàn cho hàng hóa lưu kho theo khuyến nghị của đơn vị kiểm định. Sau khi cải tạo sửa chữa kho có tính cơ động cao, thuận lợi cho việc bốc xếp hàng hóa xuất nhập kho, xe ô tô dễ dàng quay trở trong kho hơn, giảm thời gian thao tác các thiết bị làm việc nên rút ngắn thời gian nhập và xuất hàng hóa trong kho. Vẫn tận dụng được các hạng mục đang còn sử dụng tốt như hệ thống tường kho, mái kho, nền kho, thêm kho, máng kho...;
- Địa điểm sửa chữa: XNXD Cửa Lò, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An;
- Nguồn vốn: Vốn tự có chiếm 100%;
- Tại ngày 31/12/2024: Công trình đã hoàn thành 50% khối lượng kho số 1 đưa vào sử dụng ngày 16/12/2024 và tiếp tục thi công 50% khối lượng kho số 1 còn lại, dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong quý 1 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp)

(3) Công trình Nạo vét duy tu Khu nước trước Cảng Bến Thủy với tổng mức đầu tư là 1.127.600.000 đồng,

- Mục tiêu: Nạo vét duy tu Khu nước trước Cảng Bến Thủy;
- Địa điểm: XNXD Bến Thủy, TP Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Nguồn vốn: Vốn tự có;
- Tại ngày 31/12/2024: Công trình đã hoàn thành bước lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật. Công trình chuyển kế hoạch sang năm 2025.

(4) Công trình sửa chữa mặt cầu số 1 tại XNXD Cửa Lò do Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh làm chủ đầu tư với tổng mức là 2.035.456.000 đồng;

- Mục tiêu: Phương án mặt bằng quy hoạch trên cơ sở mặt cầu số 1 và mặt bằng các công trình hiện hữu đang được khai thác sử dụng như: tuyến mép cầu cảng, bãi chứa hàng sau mặt cầu, vị trí cần trục cố định, mặt cầu số 2... Hàng mục công trình sửa chữa cần đạt được các yêu cầu công trình được sửa chữa kết nối với công trình hiện hữu để thuận tiện cho khai thác, sử dụng. Khắc phục các nhược điểm của mặt cầu hiện hữu, phù hợp với nhu cầu khai thác với tần suất lớn hơn. Đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường sau khi xây dựng;
- Địa điểm sửa chữa: XNXD Cửa Lò, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An;
- Nguồn vốn: Vốn tự có chiếm 100%;
- Tại ngày 31/12/2024: Công trình đã hoàn thành phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, hiện tại công trình đã đăng tải HSMT và mở thầu ngày 22/1/2025, dự kiến bắt đầu thi công từ 16/02/2025 và hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng tháng 4/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG NGHỆ TÍNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. Phải trả người bán**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	38.351.791.940	38.351.791.940	14.654.085.668	14.654.085.668
- Công ty TNHH Thiết bị nâng Hải Phòng	30.700.000.000	30.700.000.000	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng 124	2.807.563.000	2.807.563.000	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng 569	1.976.189.000	1.976.189.000	-	-
- Công ty Cổ phần Ô tô Vũ Linh	-	-	3.430.000.000	3.430.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Hà Thành	-	-	3.144.060.079	3.144.060.079
- Công ty Cổ phần Xây dựng 268 Hưng Nguyên	-	-	2.813.991.000	2.813.991.000
- Công ty Cổ phần Kho vận Nhật Việt Nghệ An	460.443.960	460.443.960	1.158.315.120	1.158.315.120
- Các đối tượng khác	2.407.595.980	2.407.595.980	4.107.719.469	4.107.719.469
Cộng	38.351.791.940	38.351.791.940	14.654.085.668	14.654.085.668

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	1.113.750.343	491.754.558	1.113.750.343	491.754.558
- Công ty TNHH Frescol Tuna (Việt Nam)	468.585.000	-	468.585.000	-
- Công ty TNHH Anh Tuấn Ngọc	150.827.330	-	150.827.330	-
- Công ty TNHH CLIO Shipping & Logistics Việt Nam - INC	118.624.746	-	118.624.746	-
- Công ty TNHH TM dịch vụ vận tải Hoa phương Nam	110.484.000	-	110.484.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản MIKA	-	184.140.000	-	184.140.000
- Công ty TNHH Một thành viên Nông sản Quỳnh Trung	-	151.873.920	-	151.873.920
- Lao - China Base Petroleum Oil Co., Ltd.	-	69.281.864	-	69.281.864
- Các đối tượng khác	265.229.267	86.458.774	265.229.267	86.458.774
Cộng	1.113.750.343	491.754.558	1.113.750.343	491.754.558

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	-	488.193.313	488.193.313	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.084.337.865	4.091.999.724	4.177.438.654	998.898.935
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.051.793.960	1.989.076.158	62.717.802
Cộng	1.084.337.865	6.631.986.997	6.654.708.125	1.061.616.737

Thuế và các khoản phải thu

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập cá nhân	7.557.613	7.557.613	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	927.331.126	3.091.103.755	2.163.772.629	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	193.606.654	193.606.654	-
Cộng	934.888.739	3.292.268.022	2.357.379.283	-

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	123.075.800	236.513.982
Các khoản phải trả, phải nộp khác	175.220.781	443.714.071
Cộng	298.296.581	680.228.053

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. Vay và nợ thuế tài chính**

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	1.720.000.000	1.720.000.000	8.975.492.507	12.629.492.507	5.374.000.000	5.374.000.000
<i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	7.255.492.507	7.255.492.507	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	-	-	7.255.492.507	7.255.492.507	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1.720.000.000	1.720.000.000	1.720.000.000	5.374.000.000	5.374.000.000	5.374.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (*)	1.720.000.000	1.720.000.000	1.720.000.000	5.374.000.000	5.374.000.000	5.374.000.000
b) Vay dài hạn	4.700.000.000	4.700.000.000	-	12.995.188.624	17.695.188.624	17.695.188.624
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (*)	4.700.000.000	4.700.000.000	-	12.995.188.624	17.695.188.624	17.695.188.624
Cộng	6.420.000.000	6.420.000.000	8.975.492.507	25.624.681.131	23.069.188.624	23.069.188.624

(*) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 05/2023/DADT/NAP-02 ngày 04/07/2023 với hạn mức tín dụng là 9 tỷ đồng, số tiền vay đến ngày 31/12/2024 là 6.420.000.000 đồng với lãi suất cho vay 8,4%/năm, có định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu, sau thời gian áp dụng lãi suất cố định: lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, bằng đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, áp dụng đối với khách hàng cá nhân của VCB cộng biên độ 2,8%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Mục đích vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án đầu tư 01 cầu trục chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò.

Tài sản thế chấp cho khoản vay nêu trên là 01 chân đế cầu và 01 cầu bồng Liebherr loại TCC 230 CBW40/29,5; 01 chân đế di động và 01 cầu bồng Liebherr loại CBW40/29,5 US; 01 cầu cầu bờ di động bánh lốp 100 tấn Model GHMK 3406 nhãn hiệu Terex Gottwald của Đức.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ Đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2023	215.172.000.000	2.374.003.376	19.223.027.923	236.769.031.299			
- Lãi trong năm trước	-	-	21.393.607.483	21.393.607.483			21.393.607.483
- Phân phối lợi nhuận	-	2.471.745.023	(19.223.027.923)	(16.751.282.900)			(16.751.282.900)
31/12/2023	215.172.000.000	4.845.748.399	21.393.607.483	241.411.355.882			
01/01/2024	215.172.000.000	4.845.748.399	21.393.607.483	241.411.355.882			
- Lãi trong năm nay	-	-	16.918.982.281	16.918.982.281			16.918.982.281
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	4.943.618.332	(20.564.136.156)	(15.620.517.824)			(15.620.517.824)
31/12/2024	215.172.000.000	9.789.366.731	17.748.453.608	242.709.820.339			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01-24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023	21.393.607.483
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	4.943.618.332
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	2.710.197.824
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	12.910.320.000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	829.471.327

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số tiền góp vốn VND	Tỷ lệ %	Số tiền góp vốn VND	Tỷ lệ %
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	109.737.720.000	51,00	109.737.720.000	51,00
- Công ty TNHH Tuần Lộc Commodities	45.941.560.000	21,35	45.941.560.000	21,35
- Các cổ đông khác	59.492.720.000	27,65	59.492.720.000	27,65
Cộng	215.172.000.000	100	215.172.000.000	100

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	215.172.000.000	215.172.000.000
+ Vốn góp cuối năm	215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.910.320.000	12.264.804.000

18d. Cổ phiếu

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.517.200	21.517.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.517.200	21.517.200
+ Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.517.200	21.517.200
+ Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

18e. Các quỹ của Công ty

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.789.366.731	4.845.748.399

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Thị xã Cửa Lò và Thành phố Vinh với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng bến cảng xếp dỡ hàng hóa và làm trụ sở Công ty với tổng diện tích đất thuê là 304.597,90 m², thời hạn thuê đất từ 20 năm đến 40 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Đô la Mỹ (USD)	191.836,69	32.444,48

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa Lò	197.892.338.978	226.436.928.200
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Bến Thủy	10.148.643.519	10.819.338.096
Cộng	<u>208.040.982.497</u>	<u>237.256.266.296</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp tại Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa Lò	143.363.212.939	169.938.505.895
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp tại Xí nghiệp Xếp dỡ Bến Thủy	11.785.047.236	10.967.691.293
Cộng	<u>155.148.260.175</u>	<u>180.906.197.188</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	366.361.740	918.872.511
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.548.000.000	1.375.380.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	779.228.685	260.311.823
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	73.716.642	829.471.327
Cộng	2.767.307.067	3.384.035.661

4. Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	884.478.346	494.489.264
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	220.785.733	311.785.746
Cộng	1.105.264.079	806.275.010

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	13.346.705.216	15.274.135.907
- Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	726.481.593	1.958.735.597
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	650.148.486	680.842.900
- Trích lập/ (Hoàn nhập) chi phí dự phòng	340.289.657	(64.560.939)
- Thuế, phí, lệ phí	418.187.754	171.580.951
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.237.839.678	4.203.428.706
- Chi phí khác bằng tiền	14.721.799.634	11.473.302.080
Cộng	33.441.452.018	33.697.465.202

6. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định (*)	-	589.759.727
- Thu nhập khác	190.270.539	1.146.799.395
Cộng	190.270.539	1.736.559.122

(*) Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Phạt vi phạm hành chính về thuế	101.043.669	127.112.693
- Chi ủng hộ	-	97.122.383
- Chi phí khác	191.558.157	356.062.456
Cộng	292.601.826	580.297.532

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.075.601.686	32.584.535.798
Chi phí nhân công	75.704.744.500	90.688.753.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.985.582.410	27.480.726.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.617.877.408	45.913.536.980
Chi phí khác bằng tiền	23.205.906.189	17.936.108.846
Cộng	188.589.712.193	214.603.662.390

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.010.982.005	26.386.626.147
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	1.070.733.262	379.112.693
- Thù lao thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách	461.677.419	252.000.000
- Chi phí không hợp lệ	571.404.265	127.112.693
- Chi phí không được trừ khác	37.651.578	-
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	1.621.716.642	2.204.851.327
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.548.000.000	1.375.380.000
- Lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	73.716.642	829.471.327
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	20.459.998.625	24.560.887.513
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	4.091.999.724	4.912.177.502
Truy thu thuế TNDN theo kết quả kiểm tra thuế	-	80.841.162
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.091.999.724	4.993.018.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
Lợi nhuận sau thuế (VND)	16.918.982.281	21.393.607.483
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	16.918.982.281	21.393.607.483
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	2.710.197.824
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	21.517.200	21.517.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (**)	786	868

(*) Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 chưa có số liệu để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024. Số liệu trích lập sẽ được căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023 đã được điều chỉnh do Công ty đã thực hiện Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01-24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024.

Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 là 868 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 trước điều chỉnh là 994 VND/CP).

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm tài chính 2024, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

<u>Đối tượng</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
- Công ty TNHH Tuấn Lộc Commodities	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Vận tải Biển VIMC	Chi nhánh của Công ty mẹ
- Công đoàn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động quốc tế tại Nghệ An	Chi nhánh của Công ty liên kết của Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2024	Năm 2023	
	VND	VND	
Thu nhập của các thành viên chủ chốt	3.901.848.733	3.791.536.000	
- Thu nhập và thù lao của Tổng Giám đốc	703.002.000	712.975.000	
- Thu nhập và thù lao của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.457.842.742	2.464.717.000	
Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch HĐQT	769.631.000	697.623.000
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc	456.233.484	631.904.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	148.280.000	76.500.000
Ông Nguyễn Thạc Hoài	Thành viên HĐQT	148.280.000	76.500.000
Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc	462.848.000	492.495.000
Ông Nguyễn Danh Hải	Phó Tổng Giám đốc	462.548.000	489.695.000
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	10.022.258	-
Bà Trần Thị Hương	Ủy quyền Thành viên HĐQT của ông Trần Văn Đạt	14.677.419	-
- Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát	389.330.000	216.300.000	
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Nguyên Trưởng Ban kiểm soát	72.110.000	80.100.000
Bà Phan Thị Nhị Hà	Trưởng Ban kiểm soát	68.000.000	-
Ông Nguyễn Thế Tiến	Thành viên BKS	124.610.000	68.100.000
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dung	Thành viên BKS	124.610.000	68.100.000
- Thu nhập và thù lao của Kế toán trưởng	351.673.991	397.544.000	
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Nguyên Kế toán trưởng	350.892.000	397.544.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng	Kế toán trưởng	781.991	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Giao dịch và số dư với bên liên quan (tiếp)

2b. Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	3.824.801.786	1.969.382.211
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	270.564.659	282.997.817
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	2.548.541.272	1.157.018.206
- Công ty Vận tải Biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	183.639.205	148.708.946
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động quốc tế tại Nghệ An	822.056.650	380.657.242
Mua dịch vụ từ các bên liên quan	-	50.191.680
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	-	50.191.680
Nhận cổ tức	1.548.000.000	1.375.380.000
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	1.548.000.000	1.375.380.000
Trả cổ tức	6.584.263.200	6.255.050.040
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	6.584.263.200	6.255.050.040

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Nghệ An, ngày 10 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Trần Lữ Giáp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Tổng Giám đốc

Bùi Kiều Hưng